

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
giai đoạn 2026-2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ Quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Công văn số 371-TB/ĐU ngày 07 tháng 7 năm 2026 thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Giáo dục và Đào tạo về dự thảo Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026-2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHCN (để p/h);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ (để t/h);
- Các Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, Cục KHCNTT 

BỘ TRƯỞNG**Hoàng Minh Sơn**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số ~~1014~~ /QĐ-BGDĐT ngày ~~08~~ tháng ~~7~~ năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Giai đoạn 2021–2025, hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là KH,CN&ĐMST) trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ đạt nhiều kết quả tích cực. Các cơ sở giáo dục đại học tiếp tục khẳng định vai trò là lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Năng lực nghiên cứu của các cơ sở giáo dục đại học từng bước được nâng cao; số lượng công bố quốc tế, tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu ứng dụng tăng; một số cơ sở giáo dục đại học và tổ chức khoa học và công nghệ đạt thứ hạng cao trong các bảng xếp hạng quốc tế. Hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở dữ liệu và nền tảng số phục vụ hoạt động KH,CN&ĐMST tiếp tục được quan tâm đầu tư. Hoạt động hợp tác quốc tế, liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với viện nghiên cứu, doanh nghiệp được mở rộng, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức.

Tuy nhiên, hoạt động KH,CN&ĐMST của các cơ sở giáo dục đại học vẫn còn một số hạn chế. Năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo giữa các cơ sở giáo dục đại học chưa đồng đều; số lượng nhóm nghiên cứu mạnh, chuyên gia đầu ngành và nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao còn hạn chế. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển doanh nghiệp khởi nguồn công nghệ và gắn kết với nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường còn chưa tương xứng với tiềm năng. Hạ tầng nghiên cứu tại nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST còn phân tán, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Bước sang giai đoạn 2026–2030, các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu của tăng trưởng và phát triển đất nước đặt ra yêu cầu mới đối với ngành giáo dục và đào tạo trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ cao và tăng cường đóng góp của các cơ sở giáo dục đại học vào hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Đây vừa là cơ hội thuận lợi, vừa là thách thức đòi hỏi ngành giáo dục và đào tạo phải có các giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động KH,CN&ĐMST trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021–2025 và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026–2030 đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển KH,CN&ĐMST nhằm tạo ra tri thức, công nghệ mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn 2026–2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học

- Số lượng công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín tăng bình quân 15%/năm.

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích và văn bằng bảo hộ tăng bình quân từ 16%/năm, trong đó tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích được khai thác thương mại đạt từ 10–12% số văn bằng bảo hộ được cấp.

- Tỷ trọng thu từ KH,CN&ĐMST và chuyển giao tri thức tăng từ 10–12%/năm.

b) Phát triển tối thiểu 06 tạp chí khoa học thuộc các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc được tham gia chỉ mục trong cơ sở dữ liệu WoS/Scopus.

c) Phát triển hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ

- Hình thành 08–10 trung tâm nghiên cứu xuất sắc đạt trình độ khu vực, có năng lực dẫn dắt nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực ưu tiên.

- Phát triển tối thiểu 01 tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật và công nghệ trực thuộc Bộ nằm trong nhóm 30% tổ chức được xếp hạng cao nhất theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín như SCImago Institutions Rankings (SIR) hoặc tương đương, có năng lực nghiên cứu, làm chủ và phát triển các công nghệ nền tảng, công nghệ chiến lược, công nghệ cao của quốc gia.

- Phát triển tối thiểu 01 tổ chức nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Khoa học vật liệu hoặc Khoa học Trái đất nằm trong nhóm 30% tổ chức được xếp hạng cao nhất theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín.

- Phát triển tối thiểu 01 tổ chức nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn có vai trò nòng cốt trong nghiên cứu, tư vấn, đề xuất chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

d) Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác doanh nghiệp

- 100% cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, các cơ sở giáo dục đại học hướng tới nhóm đại học hàng đầu khu vực và châu Á xây dựng cơ chế thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp spin-off/spin-out/spin-in khi có đủ điều kiện; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong trường đại học.

- Ít nhất 60% cơ sở giáo dục đại học thiết lập và duy trì cơ chế hợp tác thường xuyên với doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời khuyến khích mở

rộng hợp tác với địa phương, viện nghiên cứu và các tổ chức có liên quan nhằm phát huy thế mạnh của từng cơ sở giáo dục đại học.

đ) Phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST

- Tăng quy mô và chất lượng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ gắn với các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST: Tỷ lệ nhiệm vụ KH,CN&ĐMST gắn với đào tạo tiến sĩ đạt tối thiểu 80% vào năm 2030. Số lượng nghiên cứu sinh và học viên cao học tham gia các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST tăng bình quân 10%/năm.

- Đẩy mạnh đào tạo STEM/STEAM, kỹ sư, chuyên gia công nghệ số, công nghệ chiến lược, công nghệ cao và nhân lực trình độ cao gắn với nhu cầu phát triển đất nước: Tỷ lệ người học trình độ đại học các ngành STEM đạt 35%; Số người học các chương trình tài năng STEM đạt 20.000 người; Số nghiên cứu sinh các ngành STEM đạt 6.000 người.

e) Phát triển giáo dục STEM và nguồn nhân lực khoa học, công nghệ từ giáo dục phổ thông.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai hiệu quả giáo dục STEM/STEAM gắn với hướng nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- Tăng ít nhất 20% số học sinh lựa chọn các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực STEM so với năm 2025.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện chính sách và đổi mới quản lý hoạt động KH,CN&ĐMST

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về KH,CN&ĐMST trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bảo đảm đồng bộ với Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và các văn bản hướng dẫn.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý KH,CN&ĐMST; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục về KH,CN&ĐMST kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Tổ chức triển khai các chương trình, nhiệm vụ KH,CN&ĐMST

- Xây dựng các nhiệm vụ, chương trình KH,CN&ĐMST theo hướng:

+ Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, khoa học vật liệu, khoa học trái đất và các lĩnh vực ưu tiên khác;

+ Nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội và các công nghệ chiến lược, công nghệ cao theo định hướng của quốc gia;

+ Các nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn phục vụ xây dựng, hoàn thiện chính sách, chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển bền vững đất nước;

+ Chương trình KH,CN&ĐMST trong các lĩnh vực STEM gắn với đào tạo tiến sĩ, kỹ sư chất lượng cao, cử nhân tài năng, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao;

+ Xây dựng và triển khai Chương trình nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Tăng tỷ lệ nhiệm vụ KH,CN&ĐMST được triển khai theo cơ chế đặt hàng từ nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, địa phương và cơ quan quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

3. Phát triển tiềm lực KH,CN&ĐMST

- Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, hạ tầng số và cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Hình thành và phát triển một số tổ chức khoa học và công nghệ mạnh đạt trình độ khu vực và quốc tế, có khả năng dẫn dắt nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ chiến lược, công nghệ cao và khoa học xã hội.

- Xây dựng, phát triển các nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu xuất sắc trong các cơ sở giáo dục đại học.

4. Phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST

- Thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, cán bộ quản lý KH,CN&ĐMST; ưu tiên phát triển đội ngũ nhà khoa học trẻ.

- Đẩy mạnh đào tạo tiến sĩ gắn với các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST; phát triển các chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao, cử nhân tài năng với lĩnh vực STEM.

- Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để thu hút chuyên gia, nhà khoa học xuất sắc người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam.

- Có chính sách khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tham gia nghiên cứu, công bố quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

5. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và liên kết với doanh nghiệp

- Tăng cường hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, địa phương trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

- Thúc đẩy hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian sáng tạo, vườn ươm công nghệ và khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục.

6. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học cho người học

- Triển khai hiệu quả giáo dục STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học gắn với định hướng nghề nghiệp và phát triển năng lực người học.

- Đổi mới phương thức tổ chức các cuộc thi khoa học kỹ thuật; các giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho sinh viên và giảng viên trẻ nhằm phát hiện, bồi dưỡng tài năng khoa học trẻ.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế và huy động nguồn lực cho phát triển KH,CN&ĐMST.

- Mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát triển hạ tầng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường tham gia các mạng lưới nghiên cứu quốc tế, chương trình nghiên cứu chung, dự án hợp tác quốc tế và các bảng xếp hạng khoa học uy tín.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, diễn đàn đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng lực hội nhập của các cơ sở giáo dục Việt Nam.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin

a) Là đơn vị đầu mối tham mưu giúp Bộ trưởng tổ chức triển khai Kế hoạch KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026–2030; theo dõi, đôn đốc và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch đồng thời đề xuất điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

b) Hằng năm, chủ trì hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch, danh mục nhiệm vụ, chương trình KH,CN&ĐMST; tổng hợp, rà soát, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ phù hợp với định hướng của Bộ, ngành và quốc gia.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch và các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST; kịp thời phát hiện, tháo gỡ hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

d) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý KH,CN&ĐMST; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục về KH,CN&ĐMST phục vụ công tác quản lý, giám sát, đánh giá và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin và các đơn vị liên quan tham mưu cân đối, tổng hợp, đề xuất bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước.

b) Chủ trì rà soát, thẩm định dự toán; tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân bổ kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo quy định.

c) Hướng dẫn xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chương trình KH,CN&ĐMST theo quy định.

d) Phối hợp với Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động KH,CN&ĐMST.

3. Các Vụ/Cục có liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin triển khai các nội dung của Kế hoạch có liên quan đến lĩnh vực quản lý.

b) Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ KH,CN&ĐMST vào các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm đồng bộ

giữa phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo với đổi mới giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

c) Phối hợp đề xuất, đặt hàng, triển khai và đánh giá các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoàn thiện chính sách, đổi mới giáo dục và đào tạo.

4. Các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ

a) Chủ động xây dựng chiến lược, kế hoạch 5 năm và hằng năm về KH,CN&ĐMST của đơn vị phù hợp với định hướng của Bộ, chiến lược phát triển của đơn vị và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

b) Căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch, ban hành kế hoạch cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu thực hiện tại đơn vị, bảo đảm có sản phẩm, kết quả đầu ra và lộ trình thực hiện cụ thể.

c) Chủ động đề xuất, đăng ký và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, chương trình KH,CN&ĐMST; đồng thời tăng cường tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, nhiệm vụ hợp tác với địa phương, doanh nghiệp.

d) Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách về hoạt động KH,CN&ĐMST trong cơ sở giáo dục đại học; trong đó ưu tiên phát triển tiềm lực khoa học công nghệ, nhóm nghiên cứu mạnh, xây dựng tạp chí khoa học đạt chuẩn quốc tế.

đ) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho KH,CN&ĐMST; chủ động rà soát, sắp xếp hệ thống phòng thí nghiệm hiện có phù hợp với yêu cầu đào tạo, đề xuất đầu tư, xây dựng mới phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu xuất sắc, trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

e) Thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, địa phương trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; phân đầu tăng tỷ trọng nguồn thu từ hoạt động KH,CN&ĐMST.

g) Ban hành, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về quản lý hoạt động KH,CN&ĐMST, sở hữu trí tuệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và quản lý nguồn thu từ KH,CN&ĐMST.

h) Đẩy mạnh công bố quốc tế, đăng ký sở hữu trí tuệ, khai thác thương mại sáng chế, giải pháp hữu ích; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong nhà trường.

i) Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng nghề và mô hình đào tạo gắn với sản xuất, kinh doanh.

5. Chế độ báo cáo

Các đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 20 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu về Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KH,CN&ĐMST GIAI ĐOẠN 2026-2030 (Kèm theo Quyết định số ~~1094~~ /QĐ-BGDDT ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện
1	Số lượng công bố khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín tăng bình quân	%/năm	15	Cục KHCNTT	Các CSGDBH
2	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích tăng bình quân	%/năm	16	Cục KHCNTT	Các CSGDBH
3	Tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích được thương mại hóa	%	10-12	Cục KHCNTT	Các CSGDBH
4	Tỷ trọng thu từ KH,CN&ĐMST và chuyển giao tri thức	%/năm	10-12	Cục KHCNTT	Các CSGDBH
5	Số tạp chí được chỉ mục trong danh mục WoS/Scopus	Tạp chí	06	Cục KHCNTT	Các CSGDBH
6	Số trung tâm nghiên cứu xuất sắc đạt trình độ khu vực	Trung tâm	08 - 10	Vụ GDĐH	Các CSGDBH
7	Số tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật và công nghệ nằm trong nhóm 30% SIR hoặc tương đương	Tổ chức	01	Cục KHCNTT	CSGDBH được Bộ KHCN lựa chọn tham gia chương trình
8	Số tổ chức nghiên cứu cơ bản đạt nhóm 30% quốc tế	Tổ chức	01	Cục KHCNTT	CSGDBH được Bộ KHCN lựa chọn tham gia chương trình
9	Số tổ chức KHXH&NV nòng cốt nghiên cứu chính sách	Tổ chức	01	Cục KHCNTT	CSGDBH được Bộ KHCN lựa chọn tham gia chương trình

10	Tỷ lệ CSGDDH trọng điểm và CSGDDH hướng tới nhóm đại học hàng đầu châu Á xây dựng cơ chế thương mại hóa kết quả nghiên cứu	%	100	Cục KHCNTT	Các CSGDDH trọng điểm và CSGDDH hướng tới nhóm đại học hàng đầu châu Á
11	Tỷ lệ CSGDDH có cơ chế hợp tác thường xuyên với doanh nghiệp	%	60	Vụ GDDH	Các CSGDDH
12	Tỷ lệ nhiệm vụ KH, CN & DMST gắn với đào tạo tiến sĩ	%	80	Cục KHCNTT	Các CSGDDH
13	Số lượng nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia nhiệm vụ KHCN tăng bình quân	%/năm	10	Cục KHCNTT	Các CSGDDH
14	Tỷ lệ người học đại học các ngành STEM	%	35	Vụ GDDH	Các CSGDDH
15	Số sinh viên học chương trình tài năng STEM	Người	20.000	Vụ GDDH	Các CSGDDH
16	Số nghiên cứu sinh các ngành STEM	Người	6.000	Vụ GDDH	Các CSGDDH
17	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai giáo dục STEM/STEAM	%	100	Vụ GDPT	Các Sở GDDT
18	Tỷ lệ học sinh lựa chọn ngành STEM so với năm 2025	%	20	Vụ GDPT	Các Sở GDDT
19	Hoàn thành cơ sở dữ liệu ngành giáo dục về KH, CN & DMST	%	100	Cục KHCNTT	Cục KHCNTT
20	Tỷ lệ nhiệm vụ KHCN được quản lý hoàn toàn trên môi trường số	%	100	Cục KHCNTT	Các đơn vị trực thuộc Bộ



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN, ĐỀ ÁN BAN HÀNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN&ĐMST GIAI ĐOẠN 2026-2030 (Kèm theo Quyết định số **1074** /QĐ-BGDDT ngày **08** tháng **7** năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Xây dựng Đề án Thúc đẩy mô hình hợp tác (Nhà nước – nhà trường – doanh nghiệp)	Cục KHCNTT	Các đơn vị có liên quan	Đề án trình Chính phủ	8/2026
2	Thông tư quản lý nhiệm vụ KH, CN&ĐMST do Bộ GDĐT tài trợ, đặt hàng	Cục KHCNTT	Các đơn vị có liên quan	Thông tư được ban hành	10/2026
3	Thông tư quản lý nhiệm vụ hợp tác song phương của Bộ GDĐT	Cục KHCNTT	Các đơn vị thuộc Bộ	Thông tư được ban hành	11/2026
4	Thông tư quy định hoạt động KH, CN&ĐMST của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học	Cục KHCNTT	Các đơn vị thuộc Bộ	Thông tư được ban hành	Năm 2027
5	Thông tư quy định hoạt động sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp	Cục KHCNTT	Các đơn vị thuộc Bộ	Thông tư được ban hành	Năm 2027
6	Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhà khoa học xuất sắc người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc tại các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam	Cục HTQT	Vụ GDDH/Cục HTQT và các đơn vị có liên quan	Văn bản được ban hành	Tháng 11/2026
7	Xây dựng Chiến lược phát triển KH, CN&ĐMST gắn với mục tiêu tăng trưởng công bố khoa học/SHTT; tỷ lệ giảng viên trình độ tiến sĩ,...	Các CSGDDH	Các đơn vị có liên quan	Chiến lược được ban hành	10/2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN&ĐMST GIAI ĐOẠN 2026-2030 (Kèm theo Quyết định số **1074** /QĐ-BGDDT ngày **08** tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Rà soát tổng thể hệ thống Phòng thí nghiệm về lĩnh vực KH, CN, ĐMST của các đơn vị trực thuộc và đề xuất định hướng đầu tư giai đoạn 2026-2030	Cục KHCNTT	Vụ KHTC/Vụ GDDH/Cục GDNN&GDTX	Báo cáo hệ thống phòng thí nghiệm về lĩnh vực KH, CN, ĐMST&CDS của các đơn vị trực thuộc	11/2026
2	Xây dựng, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH, CN&ĐMST do Bộ GDDT tài trợ, đặt hàng	Cục KHCNTT	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ	Hàng năm
3	Xây dựng, phê duyệt danh mục chương trình KH, CN của Bộ GDDT thực hiện Nghị quyết 57	Cục KHCNTT	Các đơn vị trực thuộc Bộ	Quyết định phê duyệt chương trình	Hàng năm
4	Phê duyệt các nhiệm vụ nâng cao chất lượng tập chí khoa học đạt chuẩn quốc tế (tham gia chỉ mục WoS/Scopus)	Cục KHCNTT	Các CSGDDH có liên quan	Quyết định phê duyệt	Từ năm 2026 - 2029
5	Xây dựng, triển khai chương trình nghiên cứu khoa học giáo dục đến năm 2030	Cục KHCNTT	Các trường DHSP trọng điểm/Viện KHGD Việt Nam và các CSGDDH	Quyết định phê duyệt chương trình	Hàng năm

6	Phê duyệt các nhiệm vụ duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ nghiên cứu KH, CN&ĐMST	Cục KHCNTT	Vụ KHTC và các đơn vị trực thuộc Bộ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ	Hàng năm
7	Triển khai đánh giá thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo, Gia sư AI trong giáo dục	Cục KHCNTT	Các CSGD	Báo cáo đánh giá cơ chế thử nghiệm	Hàng năm
8	Đầu tư các dự án Phòng thí nghiệm về KH, CN&ĐMST	Vụ KHTC	Cục KHCNTT/Vụ GDĐH và các đơn vị có liên quan	Quyết định phê duyệt dự án	Giai đoạn 2026-2030
9	Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao gần với công nghệ chiến lược, công nghệ cao và lĩnh vực ưu tiên theo nhu cầu phát triển đất nước	Vụ GDĐH	Cục HTQT và các đơn vị có liên quan	Văn bản hướng dẫn và thông báo tuyển sinh hàng năm	Hàng năm
10	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài phục vụ phát triển KH, CN&ĐMST thông qua các đề án, chương trình học bổng có sử dụng ngân sách nhà nước	Cục HTQT	Các đơn vị có liên quan	Danh sách ứng viên được tuyển chọn và cử đi học nước ngoài	Hàng năm
11	Hướng dẫn, bồi dưỡng năng cao năng lực tổ chức và triển khai giáo dục “STEM định hướng nghề nghiệp, hướng nghiệp và đổi mới sáng tạo”, ứng dụng công nghệ số cho học viên giáo dục thường xuyên trong các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Cục GDNN&GDTX	Cục KHCNTT, Vụ GDĐH, Đại học mở Hà Nội, Đại học mở Thành phố Hồ Chí Minh, trường cao đẳng, trung học nghề, trường đại học công nghệ, các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ	Tài liệu hướng dẫn	2027-2028

12	Thành lập các nhóm nghiên cứu tiềm năng trong các CSGDDH	Các CSGDDH	Các đơn vị có liên quan	Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu tiềm năng	Hàng năm
13	Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh trong các CSGDDH	Các CSGDDH trọng điểm, Các CSGDDH hướng tới nhóm đại học hàng đầu khu vực và châu Á	Các đơn vị có liên quan	Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu mạnh	Hàng năm
14	Xây dựng cơ chế thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ hình thành doanh nghiệp KHCN, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong trường DH	100% CSGDDH trọng điểm, CSGDDH hướng tới top đầu khu vực và châu Á	Các đơn vị thuộc Bộ có liên quan	Văn bản ban hành gắn với mục tiêu cụ thể	Hàng năm
15	Triển khai chương trình Nâng cao năng lực cho tổ chức nghiên cứu và phát triển công lập giai đoạn 2025 – 2030	Cục KHCNTT	Các CSGDDH được lựa chọn tham gia chương trình	Quyết định phê duyệt của Bộ KHCN	Giai đoạn 2026 - 2030
16	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục về KH,CN&ĐMST	Cục KHCNTT	Đơn vị thuộc và trực thuộc bộ	Cơ sở dữ liệu ngành	Năm 2027
17	Xây dựng tài liệu hướng dẫn và triển khai các quy định về sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong các CSGDDH	Cục KHCNTT	Các CSGDDH	Văn bản hướng dẫn	Năm 2027
18	Đánh giá giữa kỳ và tổng kết thực hiện Kế hoạch KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026-2030	Cục KHCNTT	Đơn vị thuộc và trực thuộc bộ	Báo cáo	Năm 2028, 2031

